

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG
TỈNH THÁI NG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2024/ HS – ST

Ngày: 18 – 9 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa pH tòa: Bà Phạm Thùy Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Thuý Lan

Bà Phạm Thị Diệu Hạnh

- Thư ký pH tòa: Bà Bằng Thị Kim Dung- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Ng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Ng tham gia pH tòa: Bà Bùi Thị Bích Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Ng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 71/2024/TLST-HS ngày 27 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 9 năm 2024 đối với các bị cáo:

1.Họ và tên: **Vi Văn P**, sinh ngày 27/01/1989, tại: Huyện Đ, tỉnh T; Nơi thường trú: Xóm Q, xã B, huyện Đ, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): lớp 09/12; Dân tộc: H'Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Vi Văn D và bà Ma Thị C; Vợ: Lý Thị T (Đã ly hôn), con: Có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2014.

- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/6/2024 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Sông Công, tỉnh Thái Ng. (Có mặt)

2.Họ và tên: **Hà Tiến T**, sinh ngày 26/5/1991, tại: Huyện Đ, tỉnh T; Nơi thường trú: Xóm L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): lớp 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Hà Văn B và bà Ngô Thị H; Vợ: Đặng Thị T (Đã ly hôn), con: Có 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2015.

- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/6/2024 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Sông Công, tỉnh Thái Ng. (Có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Vi Văn P:* Bà Nguyễn Thị Dung, sinh năm 1972 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thái Ng (Có mặt)

- *Bị hại:* Anh Hoàng Văn N, sinh năm 1998. Trú tại: Xóm C, xã V, huyện Đ tỉnh T; (Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt).

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Ngô Thị H, sinh năm 1977; Nơi thường trú: Xóm L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh T .(Có mặt).

Bà Vi Thị H, sinh năm 1986; Trú tại: Xóm Q, xã B, huyện Đ, tỉnh T (Có mặt).

Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1991; Trú tại: TDP C, phường H, thành phố P, tỉnh T (Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người làm chứng:

Anh Lý Văn C, sinh năm 1992; Trú tại: TDP 2, thị trấn Đ, huyện V, tỉnh T; (Vắng mặt).

Anh Dương Xuân T, sinh năm 1987; Trú tại: Xóm N, xã T, huyện P, tỉnh T; (Vắng mặt).

Chị Triệu Thị H, sinh năm 1999; Trú tại: Xóm C, xã V, huyện Đ, tỉnh T; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại pH tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 21/4/2024, Hà Tiến T cùng bạn gái tên Nguyễn Thị H, sinh năm 1991, trú tại: Tổ dân phố (TDP) Công Thượng, phường Hồng Tiến, thành phố P, tỉnh Thái Ng đi xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, Biển kiểm soát (BKS) 20B2-372.44 của chị H đến phòng trọ của Vi Văn P ở TDP Hắng, phường Hồng Tiến, thành phố P, tỉnh Thái Ng chơi. Tại đây Pnói chuyện với T về việc không có tiền chơi game nên cả hai nảy sinh ý định cùng nhau lừa mượn xe mô tô Honda Wave, BKS 20C1-392.34 của anh Hoàng Văn Ng (sinh năm 1998, trú tại xóm Cầu Mai, xã Văn Hán, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Ng) là bạn bè quen biết để đem đi cầm cố lấy tiền chơi game. Thực hiện ý định trên Psử dụng chiếc điện thoại nhãn hiệu SamSung Note 20 (T mượn của chị H) để cho gọi điện cho anh Ng à nói dối mượn xe mô tô về quê ở xã Bảo Linh, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Ng để giải quyết việc gia đình, do quen biết và tin tưởng nên anh Ng đồng ý cho Pmượn.

Đến khoảng 19 giờ cùng ngày T điều khiển xe mô tô SH, BKS 20B2-372.44 (mượn của chị H) chở P đến cổng Công ty thép Toàn Thắng ở TDP Cầu Gáo, phường Bách Quang, thành phố Sông Công (nơi anh Ng đang làm việc) để lấy xe. Khi đến cổng Công ty thì T dùng điện thoại gọi cho Ng và đưa cho P nói chuyện thì được Ng trả lời đang bận thay ca trực nên chưa ra được. P và T ngồi chờ quán nước tại cổng Công ty khoảng 10 phút thì thấy Ng dắt xe mô tô ra và đưa chìa khóa xe cho P thì P nói “*tôi mượn xe để về quê, nếu sớm thì khoảng 24 giờ cùng ngày sẽ xuống trả xe, nếu muộn nhất là sáng hôm sau sẽ trả xe*”. Sau khi được Ng giao xe cho P thì T điều khiển xe của chị H còn P điều khiển mô tô của anh Ng đi về khu công nghiệp Diềm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Ng. Khi đi đến khu vực giữa cầu vượt Diềm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Ng thì T bảo P dừng xe lại để kiểm tra trong cốp xe thì thấy có 01 bản phô tô căn cước công dân của anh Ng và 01 giấy mua xe trả góp của bà Ngô Thị Hương (sinh năm 1977, trú tại xóm Làng Bèn, xã Đồng Thịnh, huyện Đ, tỉnh Thái Ng). P cất các giấy tờ trên vào túi quần rồi cùng T đi tìm quán để cầm cố bán xe. T nói P mang xe đến quán Bi-a Tùng Tâm ở TDP Mãn Chiêm, phường Hồng Tiến, thành phố P, tỉnh Thái Ng do anh Dương Xuân Tuyên (sinh năm 1987, trú tại xóm Ngọc Tâm, xã Thượng Đình, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Ng) làm chủ, sau khi đưa P đến quán anh Tuyên thì T về phòng trọ chờ, còn P vào quán gặp anh Tuyên thỏa thuận bán xe trên với giá 10.000.000 đồng. Sau khi bán được xe T đến đón P và cùng nhau đi mua điện thoại cho P hết số tiền 1.600.000đ sau đó cả hai người đi ăn uống rồi đi thuê nhà nghỉ và cùng nhau nạp tiền vào điện thoại để chơi game hết số tiền 4.000.000đ và hôm sau P đưa cho T 160.000 đồng, số còn lại P tiếp tục chơi game và chi tiêu cá nhân hết.

Đối với bị hại anh Ng sau khi cho Vi Văn P và Hà Tiến T mượn xe, nhưng đến ngày hẹn trả nhưng không thấy P và T đến trả xe, gọi điện thoại không liên lạc được. Biết mình bị lừa dối và mất T sản nên ngày 30/5/2024 anh Ng đã đến Cơ quan điều tra Công an thành phố Sông Công trình báo vụ việc và đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi tiếp nhận tin báo của anh Hoàng Văn Ng, Cơ quan điều tra Công an thành phố Sông Công đã xác minh, xác định Vi Văn P và Hà Tiến T có hành vi lừa đảo chiếm đoạt T sản xe mô tô BKS 20C1-392.34 của Ng như đã nêu trên.

Quá trình làm việc Cơ quan điều tra Công an thành phố Sông đã thu giữ của Hà Tiến T 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno7, lắp 01 sim di động số 0868.510.869 và của Vi Văn P 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu xanh đen, đã qua sử dụng bị nứt vỡ màn hình, lắp 01 sim thuê bao mặt sau có dãy số 8984 04800 09175.

Cơ quan CSĐT Công an thành phố Sông Công đã tiến hành trưng cầu định giá đối với chiếc xe máy là vật chứng của vụ án. Tại bản kết luận định giá T sản số 33 ngày 05/6/2024 của Hội đồng định giá T sản thành phố Sông Công, kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn xanh bạc, biển kiểm soát 20C1-392.34, sản xuất năm 2023 trị giá **14.000.000 đồng** (mười bốn triệu đồng).

Vật chứng của vụ án: 01 bì niêm phong ký hiệu H bên trong chứa 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno7, số imei 1:868574065922713, số imei2: 868574065922705, lắp 01 sim di động số 0868.510.869; 01 bì niêm phong ký hiệu “Phương” bên trong chứa 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu xanh đen, cũ đã qua sử dụng bị nứt vỡ màn hình, lắp 01 sim thuê bao, mặt sau có dãy số 8984 04800 37845 được chuyển bảo quản theo đúng quy trình về quản lý vật chứng.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu xanh bạc, BKS 20C1-392.34 là vật chứng của vụ án, đến nay Cơ quan điều tra chưa thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Hoàng Văn Ng đã được gia đình Vi Văn P và gia đình Hà Tiến T bồi thường thiệt hại số tiền 23.500.000 đồng và anh Ng có đơn đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho P và T.

Quá trình điều tra, và tại pH toà bị cáo Vi Văn P và Hà Tiến T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với đơn trình báo, lời khai của bị hại, vật chứng thu giữ, kết luận định giá T sản, lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các T liệu chứng cứ khác thu thập được trong quá trình điều tra vụ án.

Tại bản cáo trạng số 72/ CT - VKS ngày 26/8/2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Ng đã truy tố bị cáo Vi Văn P và Hà Tiến T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt T sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội, giữ Ng quan điểm truy tố đối với bị cáo P và T về tội danh và điều luật áp dụng, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Vi Văn P và Hà Tiến T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt T sản”; áp dụng khoản 1 điều 174, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo P từ 9 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo; xử phạt bị cáo T từ 6 đến 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại T sản, không có yêu cầu đề nghị gì thêm nên không xem xét.

Về vật chứng: Đề nghị tạm giữ để đảm bảo thi hành án 01 bì niêm phong ký hiệu H bên trong chứa 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno7, số imei 1:868574065922713, số imei2: 868574065922705, lắp 01 sim di động số 0868.510.869; Tịch thu tiêu huỷ 01 bì niêm phong ký hiệu “Phương” bên trong chứa 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu xanh đen, cũ đã qua sử dụng bị nứt vỡ màn hình, lắp 01 sim thuê bao, mặt sau có dãy số 8984 04800 37845.

Về án phí: Bị cáo T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Miễn án phí cho bị cáo Phương.

Người bào chữa cho bị cáo Pnhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội có nhân thân tốt, thái độ ăn năn hối cải, có nơi cư trú rõ ràng bản thân là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên hiểu biết pháp luật còn hạn chế nên đề nghị Hội đồng xét xử bị cáo trong khung hình phạt từ 6 đến 9 tháng tù cho hưởng án treo; đề nghị trả tự do ngay tại pH toà cho bị cáo và đề nghị miễn án phí cho bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận. Các bị cáo nói lời sau cùng, đến nay các bị cáo đã nhận thức được lỗi lầm của mình, các bị cáo vô cùng ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại pH tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Sông Công, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại pH tòa, những người tham gia tố tụng đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại giai đoạn điều tra và pH tòa, các bị cáo Vi Văn P và Hà Tiến T đã khai nhận toàn bộ hành vi, diễn biến nội dung sự việc đúng như nội dung kết luận điều tra và cáo trạng đã truy tố. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, kết luận định giá T sản,... và các T liệu chứng cứ khác Cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định: Ngày 21/4/2024 tại TDP Cầu Sắt, phường Bách Quang, thành phố Sông Công, do không có tiền để chi tiêu cá nhân, Vi Văn P và Hà Tiên T đã dùng thủ đoạn gian dối để lừa đảo anh Hoàng Văn Ng chiếm đoạt chiếc xe mô tô Honda Wave, BKS 20C1-392.34, trị giá T sản là **14.000.000 đồng** (mười bốn triệu đồng).

Hành vi nêu trên của bị cáo Vi Văn P và Hà Tiên T đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Lừa đảo chiếm đoạt T sản*". Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Nội dung điều luật quy định:

“Nội dung Điều luật quy định:

“Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt T sản

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt T sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3] Đánh giá về tính chất hành vi phạm tội; vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

3.1. Về tính chất hành vi phạm tội: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu T sản của người khác, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, trị an tại địa phương.

3.2. Về vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, không có người cầm đầu, tổ chức. Bị cáo Plà người thực hành, bị cáo T có vai trò giúp sức.

3.3. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Về nhân thân: Cả hai bị cáo sinh ra và lớn lên tại địa phương, được gia đình nuôi ăn học sau đó nghỉ học và làm lao động tự do, có đủ khả năng nhận thức, làm chủ được hành vi của mình, nhưng vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Thời điểm phạm tội cả hai bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra, truy tố và tại pH tòa cả hai bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả, được bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, do đó các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s

khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất của vụ án, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy tính chất hành vi của các bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, tại pH tòa các bị cáo cảm thấy rất ăn năn hối cải và vô cùng ân hận về hành vi của mình, các bị cáo có nơi cư trú ổn định nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự, xét xử các bị cáo bằng hình phạt tù cho hưởng án treo cũng đủ để giáo dục đối với các bị cáo. Bị cáo P có vai trò lớn hơn bị cáo T nên phải chịu hình phạt cao hơn. Xét mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo tại pH tòa là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

Xét đề nghị của người bào chữa cho bị cáo P là phù hợp nên cần được chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Hiện các bị cáo không có công ăn việc làm, không có thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã được bồi thường số tiền 23.500.000 đồng, nay không yêu cầu bồi thường thêm khoản nào do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về vật chứng và đồ vật liên quan trong vụ án:

- Đối với 01 bì niêm phong ký hiệu H bên trong chứa 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno7, số imei 1:868574065922713, số imei2: 868574065922705, lắp 01 sim di động số 0868.510.869 thu giữ của bị cáo T, không sử dụng trong việc phạm tội do đó cần trả lại cho bị cáo, tuy nH bị cáo T còn phải chịu nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm nên cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

-Đối với 01 bì niêm phong ký hiệu “Phương” bên trong chứa 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu xanh đen, cũ đã qua sử dụng bị nứt vỡ màn hình, lắp 01 sim thuê bao, mặt sau có dãy số 8984 04800 37845 bị cáo P không sử dụng vào việc phạm tội. Tuy nH, Căn cứ vào các T liệu thể hiện trong hồ sơ chiếc điện thoại này đã không khởi động và sử dụng được. Tại pH tòa bị cáo P không đề nghị được lấy lại vì điện thoại đã hỏng không sử dụng được, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu huỷ chiếc điện thoại này. Do vật chứng không còn giá trị sử dụng được nên Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu tiêu huỷ.

[8] Về án phí: Bị cáo T bị kết án, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo Plà người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

[10] Các vấn đề khác: Trong vụ án này đối với Dương Xuân Tuyền là người mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn xanh bạc, BKS 20C1-392.34 từ Vi Văn P và đã bán lại chiếc xe trên cho một người đàn ông không rõ tên tuổi, địa chỉ. Khi mua xe Tuyền không biết đây là T sản do phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ xem xét, xử lý.

Đối với chị Nguyễn Thị H có cho P và T mượn xe mô tô BKS: 20B2-372.44, H không biết Phương, T sử dụng vào mục đích phạm tội nên không xem xét. Đối với chiếc điện thoại Samsung Note 20 mà bị cáo P và T dùng gọi cho anh Ng để lừa đảo chiếm đoạt T sản. Quá trình điều tra xác định chiếc điện thoại trên là của chị H cho T sử dụng. Chiếc điện thoại trên T đã bán lấy tiền chi tiêu cá nhân hết.

Bà Ngô Thị Hương và bà Vi Thị Hương là người đã bồi thường cho bị hại thay các bị cáo số tiền 23.500.000 đồng. Tại pH tòa chưa yêu cầu các bị cáo phải trả lại khoản tiền trên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* **Căn cứ:** Các Điều 106, 136, 299, 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/ 2016/ NQ – UBTWQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Vi Văn P và Hà Tiến T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt T sản*”.

1. Về điều luật áp dụng và hình phạt: Áp dụng: Khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Vi Văn P 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: Bị cáo Hà Tiến T 08 (Tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (Mười sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2. Áp dụng Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự, trả tự do ngay tại pH tòa cho các bị cáo Vi Văn P và Hà Tiến T nếu các bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Giao bị cáo Vi Văn P cho Ủy ban nhân dân xã Bảo Linh, huyện Đ, tỉnh Thái Ng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Hà Tiến T cho Ủy ban nhân dân xã Đồng Thịnh, huyện Đ, tỉnh Thái Ng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo P và T có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục đối với bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

-Tạm giữ để đảm bảo thi hành án 01 bì niêm phong ký hiệu H bên trong chứa 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno7, số imei 1:868574065922713, số imei2: 868574065922705, lắp 01 sim di động số 0868.510.869 thu giữ của bị cáo T.

-Tịch thu tiêu huỷ 01 bì niêm phong ký hiệu “Phương” bên trong chứa 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu xanh đen, cũ đã qua sử dụng bị nứt vỡ màn hình, lắp 01 sim thuê bao, mặt sau có dãy số 8984 04800 37845 thu giữ của bị cáo Phương.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, T sản ngày 29/8/2024 giữa Công an và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sông Công).

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã được bồi thường, nay không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Hà Tiến T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Vi Văn P.

5 Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Vi Thị Hương và bà Ngô Thị Hương báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị hại là anh Ng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị H, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa pH tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Ng;
- VKSND tỉnh Thái Ng;
- VKSND TP. Sông Công;
- Công an TP. Sông Công;

- Bị cáo, Bị hại; NLQ
- UBND xã Đồng Thịnh, huyện Đ;
- UBND xã Bảo Linh, huyện Đ;
(kèm TB Kq XX);
- THA h.sự, d.sự;
- Lưu: H.sơ, H.sự, VT

Phạm Thùy Dung

